

『めざせ大学合格！ 留学生のための 記述・小論文』 ことばリスト

章	STEP	頁	日本語	読み方	ベトナム語
4	2	p.122	課題文	かだいぶん	bài khóa
4	2	p.122	速読 (する)	そくどく (する)	(việc) đọc nhanh
4	2	p.122	スロー・リーディング		(việc) đọc chậm
4	2	p.122	生かす	いかす	ứng dụng trong ~
4	2	p.122	じっくり		từ từ, cẩn thận
4	2	p.122	他者	たしゃ	người khác
4	2	p.122	好ましい	このましい	hợp lý, thích hợp
4	2	p.122	くり返し	くりかえし	lặp đi lặp lại
4	2	p.122	価値観	かちかん	quan niệm về giá trị
4	2	p.122	体験 (する)	たいけん (する)	trải nghiệm
4	2	p.122	夏目漱石 (1867-1916)	なつめそうせき (1867-1916)	Natsume Soseki (1867-1916)
4	2	p.122	代表作	だいひょうさく	tác phẩm tiêu biểu
4	2	p.122	語り合う	かたりあう	chia sẻ với nhau